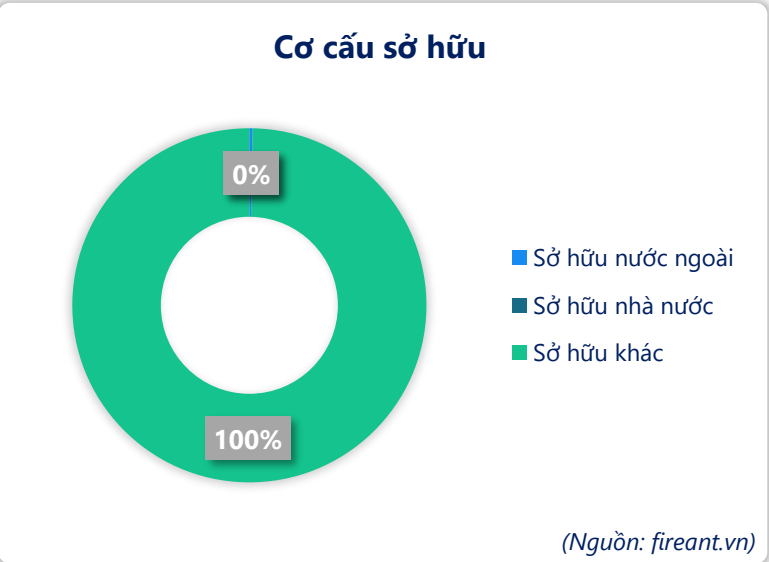
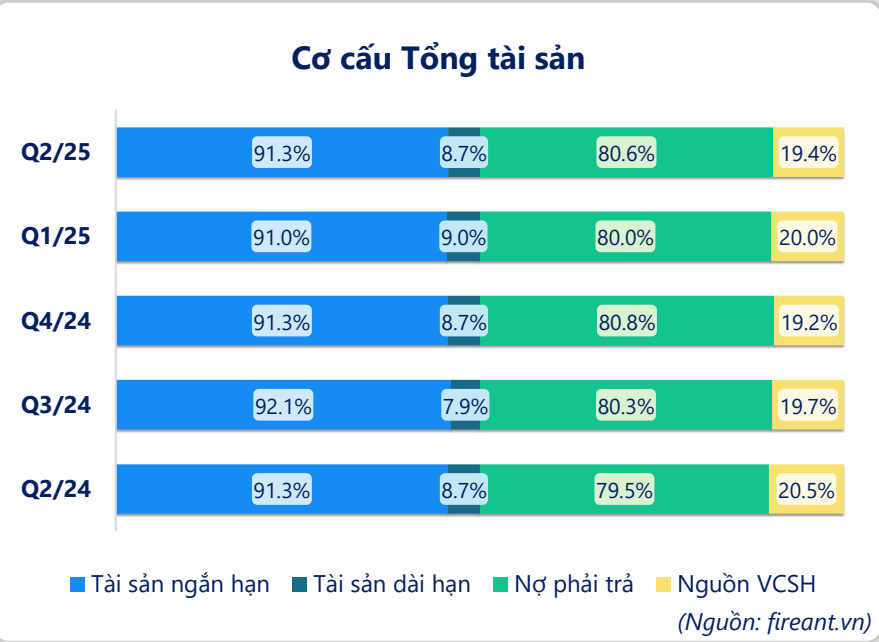
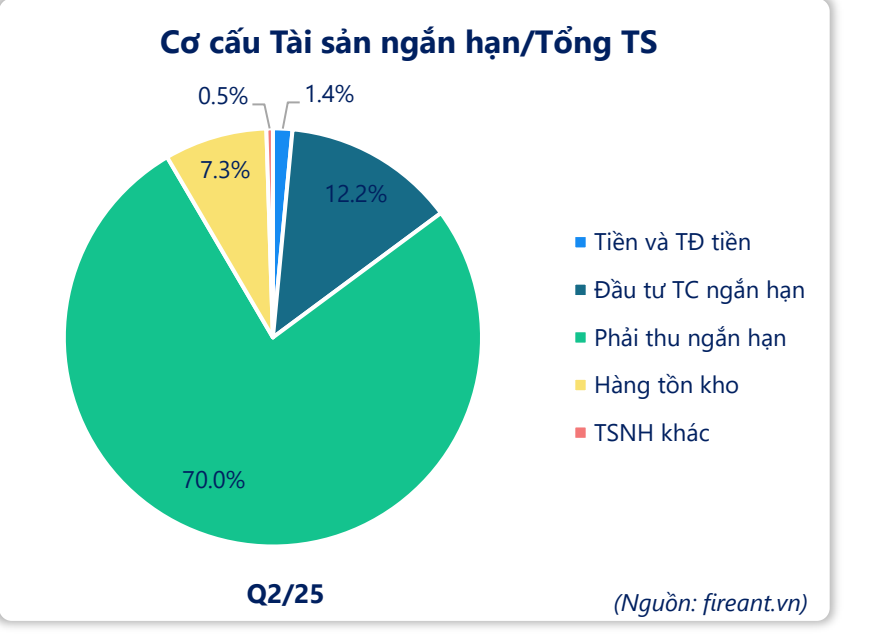
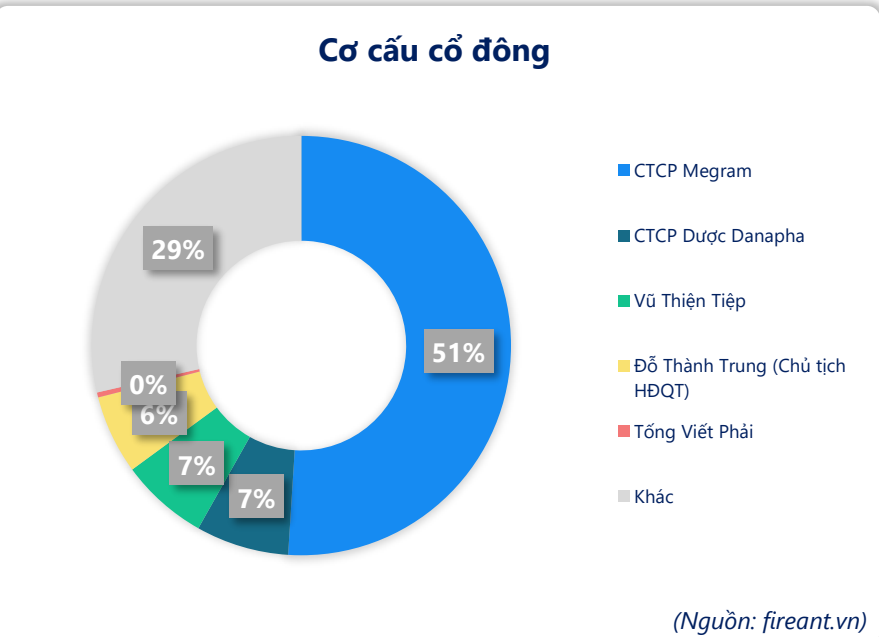
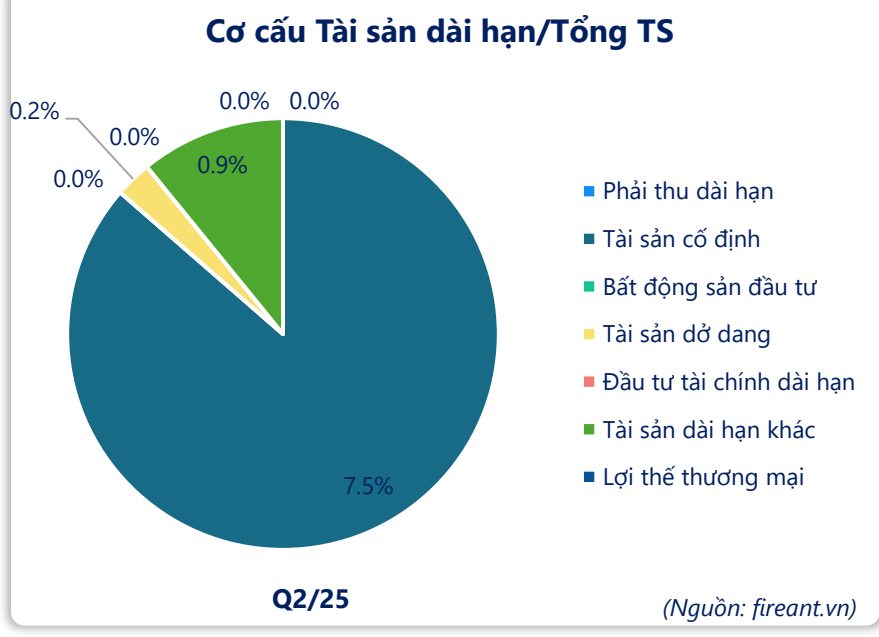
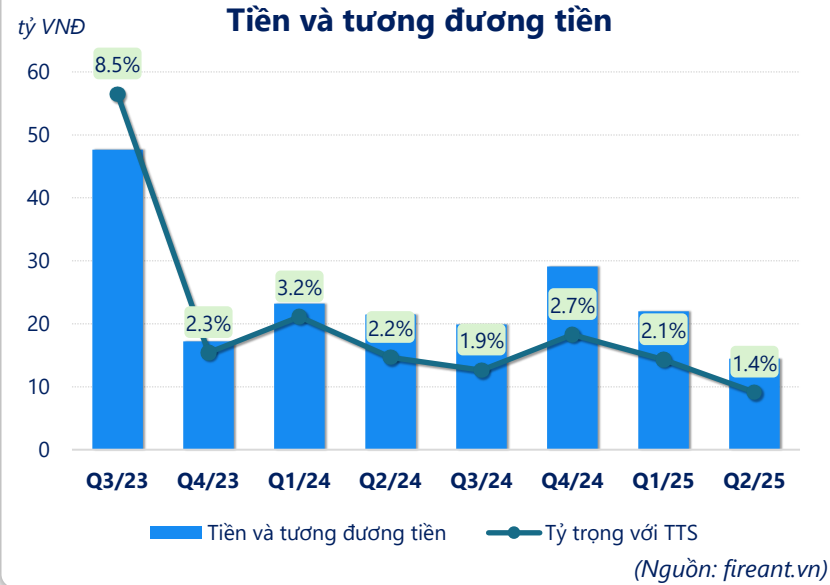
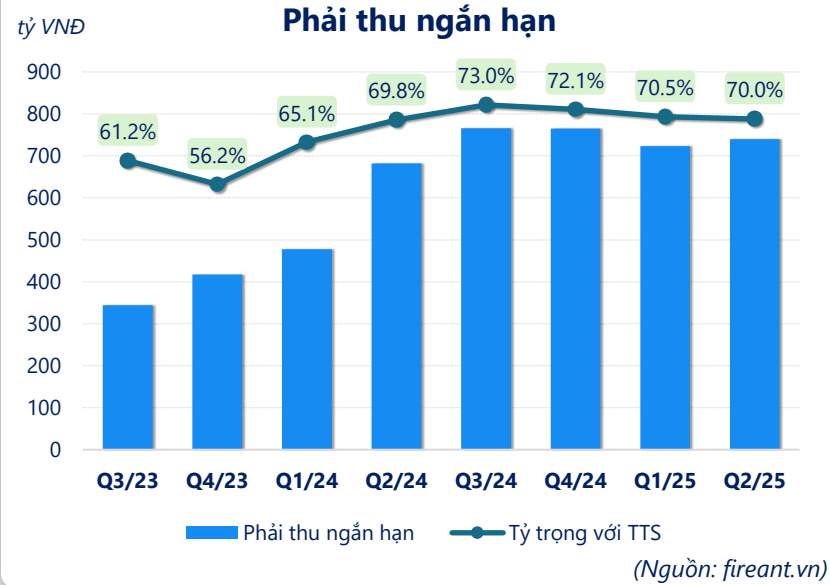
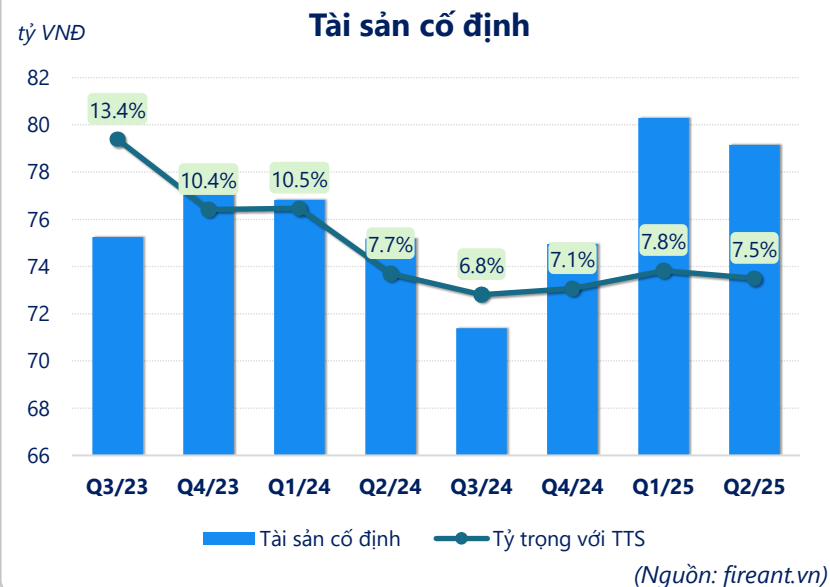
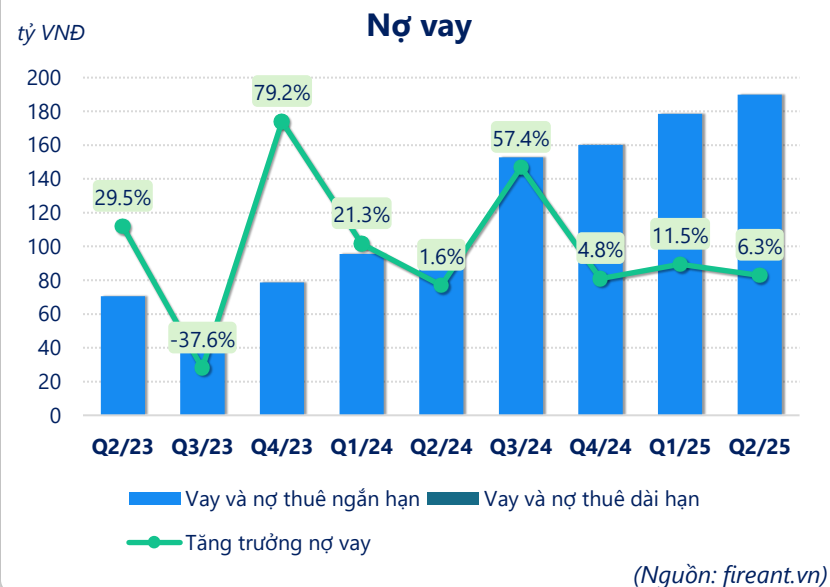
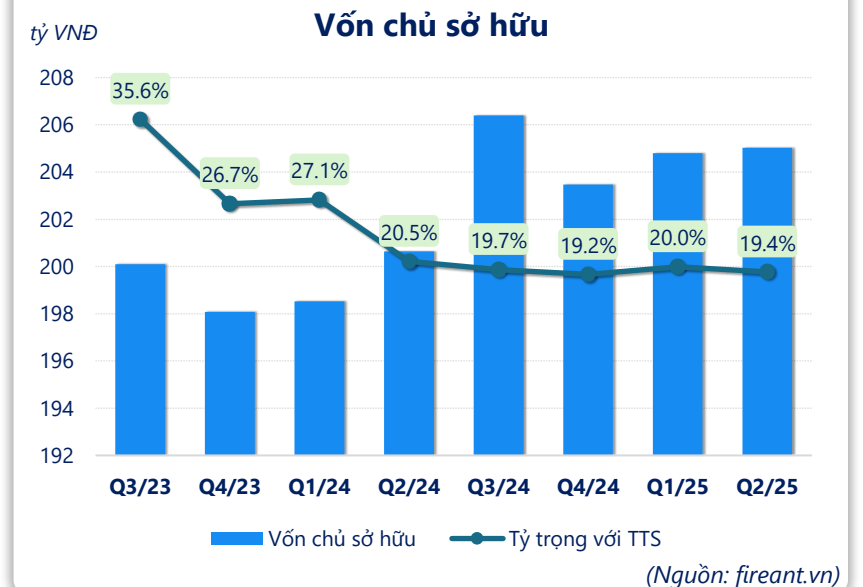
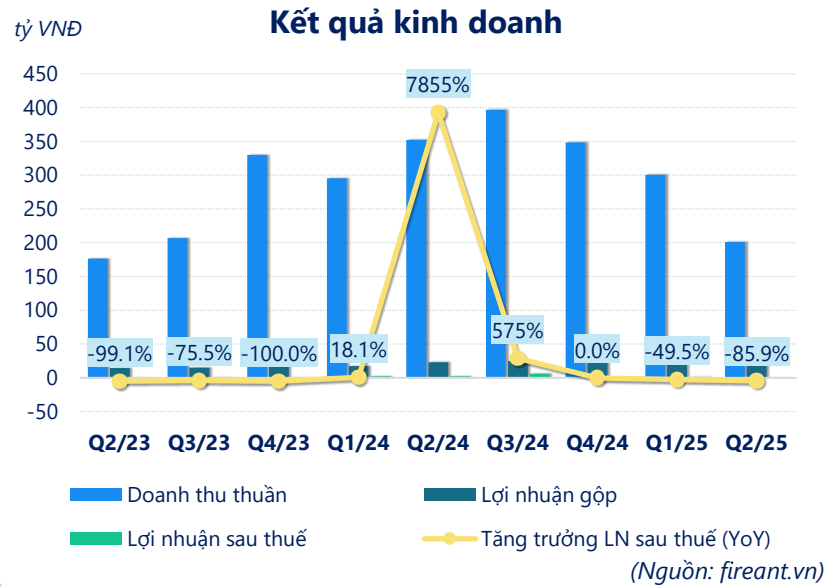
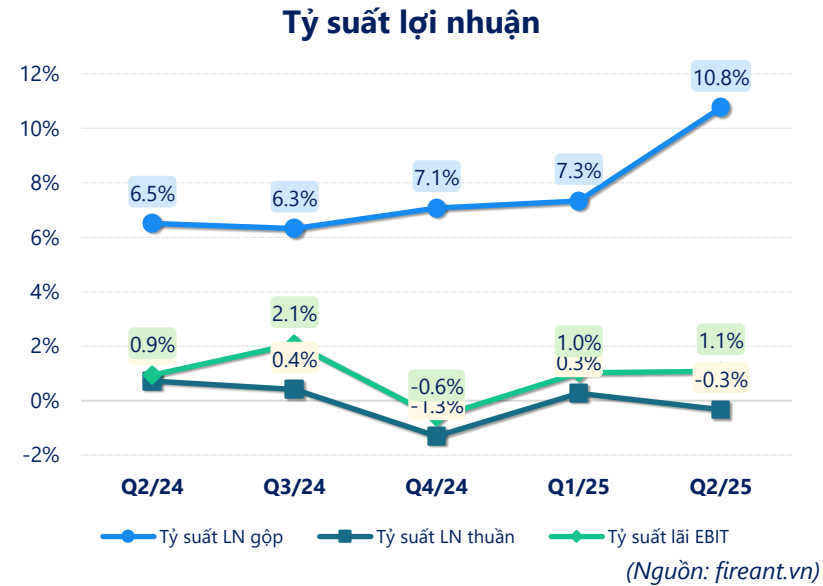
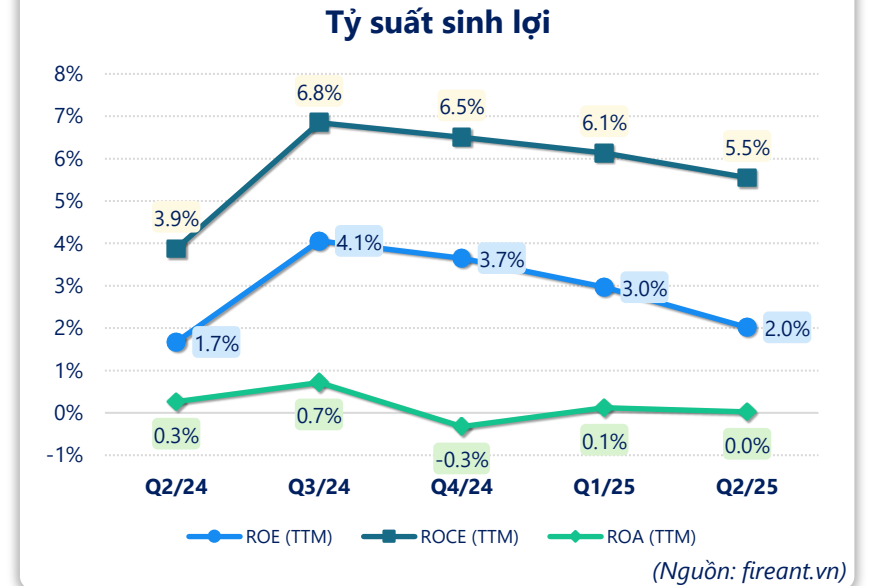
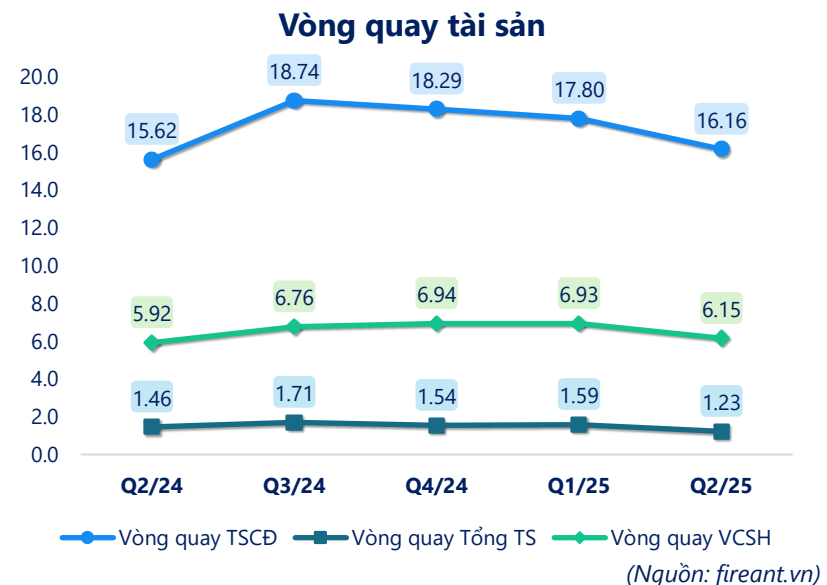
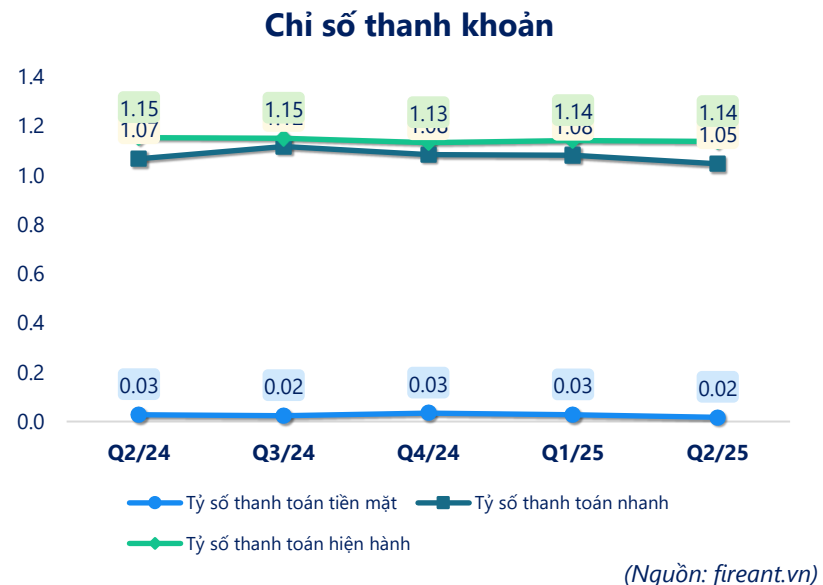
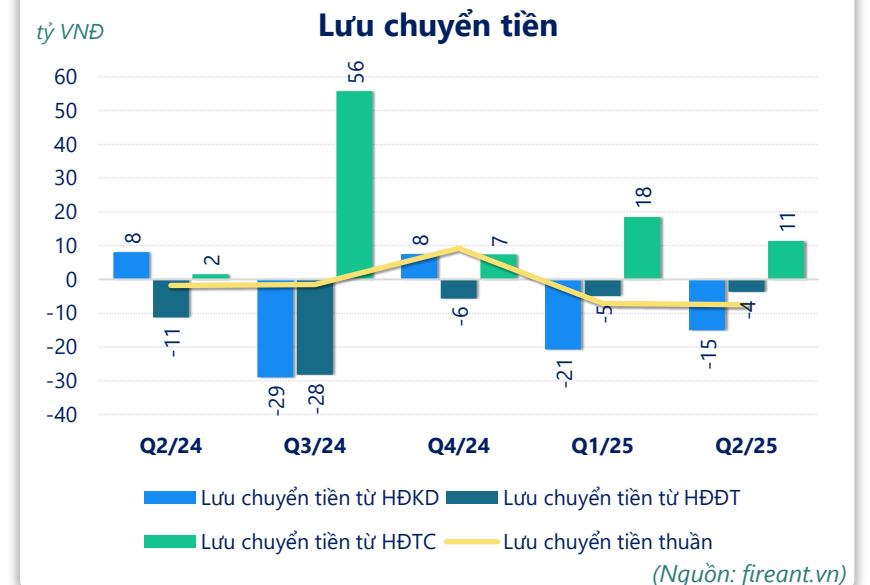


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		6,900
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		9,088
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		6,721
SL cổ phiếu LH		16,116,383
KLGD BQ 20 phiên (CP)		2,475
% sở hữu nước ngoài		0.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		111
P/E		27.2
EPS		254

	YTD	1T	3T	6T
DDN	-5.3%	-0.2%	-4.1%	-5.3%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,056	1,173	-10.0%
Tài sản ngắn hạn	964	1,080	-10.7%
Tiền và tương đương tiền	14.5	29.1	-50.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	129	124	4.3%
Phải thu ngắn hạn	740	752	-1.6%
Hàng tồn kho	76.6	167	-54.2%
Tài sản ngắn hạn khác	4.84	8.81	-45.0%
Tài sản dài hạn	91.6	92.6	-1.1%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	79.2	80.7	-1.9%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	2.51	1.94	29.3%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	9.96	9.98	-0.2%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	851	969	-12.2%
Nợ ngắn hạn	848	967	-12.2%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	190	160	18.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	611	737	-17.1%
Nợ dài hạn	2.69	2.48	8.5%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	205	204	0.6%
Vốn chủ sở hữu	205	204	0.6%
Vốn điều lệ	161	153	5.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	352	397	349	301	201
Giá vốn hàng bán	329	372	324	279	180
Lợi nhuận gộp	22.9	25.1	24.7	22.0	21.7
Doanh thu HĐTC	-0.40	6.59	7.36	7.70	6.76
Chi phí TC	0.46	5.70	6.33	8.78	7.86
Chi phí lãi vay	0.66	1.07	1.48	1.73	1.88
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	15.3	21.6	24.7	17.3	19.4
Chi phí QLDN	4.24	2.74	5.49	2.81	1.83
LN thuần từ HĐKD	2.55	1.64	-4.53	0.83	-0.65
Lợi nhuận khác	0.11	5.56	0.94	0.51	0.96
LN trước thuế	2.66	7.19	-3.60	1.34	0.31
Lợi nhuận sau thuế	2.12	5.76	-2.93	1.04	0.23
LNST của CĐ cty mẹ	2.12	5.76	-2.93	1.04	0.23

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	8.03	-29.0	7.50	-20.7	-15.1
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-11.3	-28.3	-5.64	-4.91	-3.73
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	1.54	55.7	7.35	18.5	11.3
Tiền đầu kỳ	23.2	21.5	19.9	29.1	22.0
Lưu chuyển tiền thuần	-1.76	-1.55	9.22	-7.15	-7.52
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.00	0	0	0.01
Tiền cuối kỳ	21.5	19.9	29.1	22.0	14.5

(Nguồn: fireant.vn)